

UBND TỈNH HUNG YÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN
Số: 14640/Số: 698 /TTr-SNV
Ngày: 20/11/2018
Chuyên: Thủ tục
Lưu hồ sơ:

Hung Yên, ngày 29 tháng 11 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ; Kế hoạch số 119-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

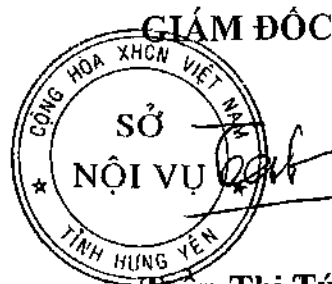
Thực hiện Công văn số 3185/UBND-NC ngày 06/11/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; Kế hoạch số 119-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Sở Nội vụ xây dựng dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện nội dung nêu trên (có dự thảo Kế hoạch kèm theo)

Sở Nội vụ kính trình. /.

Nơi nhận

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CCVC^{PC}.



Trần Thị Tứ



Số /KH-UBND Hưng Yên, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; Kế hoạch số 119-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Kế hoạch số 119-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức hiểu rõ hơn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ hiện nay.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức quán triệt nghiêm túc, sâu sắc; nắm vững mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Kế hoạch số 119-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Kế hoạch này của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Xác định rõ nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, trách nhiệm cụ thể của cá nhân và người đứng đầu trong hệ thống chính trị để triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ; tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong đổi mới công tác cán bộ, xây dựng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; làm cơ sở để tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

2. Yêu cầu:

- Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, được triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và toàn diện tại các cơ quan, đơn vị, địa phương từ tỉnh đến cơ sở.

- Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương và trước hết là người đứng đầu căn cứ Nghị quyết, các Quy định và Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, đánh giá tình hình và yêu cầu thực tế tại đơn vị mình để chủ động xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa các quy định về công tác cán bộ tại đơn vị bảo đảm toàn diện có trọng tâm, trọng điểm với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực, hành động quyết liệt, thực hiện có hiệu quả; kịp thời khắc phục những bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện.

II. NỘI DUNG

1. Nâng cao nhận thức, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên:

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quán triệt và thực hiện nghiêm Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là về công tác cán bộ, xây dựng, quản lý và sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kiên quyết đấu tranh với những quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc; mở rộng các hình thức tuyên truyền, nhân rộng những điển hình tiên tiến, những cách làm sáng tạo, hiệu quả.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ, trong đó chú trọng nội dung xây dựng Đảng về đạo đức, truyền thống lịch sử, văn hoá của dân tộc; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa đào tạo với rèn luyện trong thực tiễn và đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

2. Tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ:

2.1. Về tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức

a) Sửa đổi Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/03/2015 Quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên thực hiện thống nhất trong khối các cơ quan nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

b) Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kế hoạch thu hút sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có triển vọng theo Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị và Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành quy định hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học; mức thưởng khuyến khích ưu đãi tài năng và thu hút nhân tài; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Hung Yên thực hiện chính sách sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy về làm công chức tại xã, phường, thị trấn giai đoạn 2018 - 2021

c) Xây dựng kế hoạch để tổ chức thi điểm thi tuyển để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị, địa phương theo danh mục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; xác định cơ cấu, số lượng và sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.

2.2. Về quy hoạch, bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý

a) Sửa đổi Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 Quy định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động và luân chuyển đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý diện Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý và các sở, ngành quản lý thực hiện thống nhất trong khối các cơ quan nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, bảo đảm chặt chẽ, chính xác, thống nhất với các quy định của Đảng.

b) Thực hiện nghiêm túc Quy định số 02 - QĐi/TU ngày 25/9/2018 của Ban Thường vụ Hưng Yên về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo cấp phòng và tương đương trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

c) Làm tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, phải tuân thủ quy trình chặt chẽ, mở rộng dân chủ trong phát hiện, giới thiệu nguồn; coi trọng khâu rà soát đánh giá cán bộ trước khi lựa chọn danh sách giới thiệu quy hoạch.

d) Bổ nhiệm đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp để đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, theo đúng mục tiêu đề ra. Cụ thể:

- **Đến năm 2020:** Đẩy mạnh thực hiện chủ trương bố trí 07/10 huyện, thành phố bí thư cấp ủy cấp huyện không là người địa phương.

- **Đến năm 2025:**

+ Tiếp tục hoàn thiện, chuẩn hoá, đồng bộ các quy định, quy chế, quy trình về công tác cán bộ; 10/10 bí thư huyện ủy, thành ủy không là người địa phương và khuyến khích thực hiện đối với các chức danh khác;

+ Đảm bảo tỉ lệ nữ tham gia cấp ủy viên các cấp đạt từ 20 - 25%; tham gia Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 -2026 đạt trên 35%. Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện nhất thiết phải có ít

nhất 01 đồng chí là cán bộ nữ. Lãnh đạo trong các cơ quan, đơn vị có tỉ lệ nữ từ 30% trở lên.

- **Đến năm 2030:** Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, bảo đảm sự chuyên giao thể hệ một cách vững vàng; cơ bản xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược ngang tầm nhiệm vụ, cụ thể:

+ Cán bộ lãnh đạo sở, ngành tỉnh dưới 40 tuổi ít nhất khoảng 25%; phòng, ban và tương đương cấp huyện có tỷ lệ cán bộ dưới 40 tuổi ít nhất khoảng 25%;

+ Cán bộ lãnh đạo chủ chốt tỉnh và cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các sở, ngành trực tiếp liên quan đến đối ngoại, hợp tác quốc tế đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học theo vị trí việc làm; 100% cán bộ quy hoạch cấp ủy các cấp được học lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ của cấp ủy cùng cấp;

+ Trên 50% cán bộ thuộc diện ban thường vụ cấp huyện quản lý (trừ cán bộ cấp xã); cán bộ thuộc diện lãnh đạo sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh quản lý đảm bảo tiêu chuẩn của ngạch chuyên viên chính (theo quy định hiện hành).

d) Chỉ thực hiện bổ nhiệm lãnh đạo đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn chức danh theo quy định; tuân thủ chặt chẽ các quy định về quy trình, hồ sơ, số lượng cấp phó; có biện pháp kịp thời thay thế những cán bộ lãnh đạo, quản lý có năng lực hạn chế, uy tín thấp, không đủ sức khỏe, có sai phạm không phải chờ hết thời hạn bổ nhiệm.

e) Xây dựng quy chế thi điểm thi tuyển lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thi điểm thi tuyển lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương để bổ nhiệm, gồm các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Khoái Châu, Mỹ Hào, Hưng Yên

2.3. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

a) Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức.

b) Xây dựng, chuẩn hóa đội ngũ công chức, viên chức làm công tác tổ chức, cán bộ có phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và uy tín tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ.

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và tạo nguồn cho cán bộ trẻ, cán bộ nữ để nâng cao chất lượng đội ngũ và đáp ứng yêu cầu về cơ cấu cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định của Trung ương.

2.4. Về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức

Xây dựng quy chế đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức với các tiêu chí thành phần mang tính định lượng, gắn với hiệu quả, chất lượng công việc; đảm bảo công tác đánh giá, phân loại thực chất, công bằng, công khai, minh bạch, tỷ lệ xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong mỗi cơ quan, đơn vị không quá 15%.

2.5. Về công tác thanh tra, kiểm tra

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm định kỳ và đột xuất về công tác cán bộ và kịp thời đề xuất khen thưởng, xử lý đối với tập thể và cá nhân vi phạm xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ chức vụ đối với cán bộ theo phân cấp quản lý; kiên quyết không để lọt những người chạy chức, chạy quyền vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp

2.6. Về cơ chế chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức

a) Nghiêm túc thực hiện Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định hỗ trợ công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Hưng Yên quản lý thời việc theo nguyện vọng.

b) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về thi đua, khen thưởng bảo đảm chặt chẽ, chính xác, thống nhất với các quy định của Đảng và phù hợp với tỷ lệ cán bộ được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và các quy định hiện hành.

c) Nghiên cứu, xây dựng quy hoạch đất ở, nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dẫn của Trung ương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch số 119-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gắn với trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trong việc lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong phạm vi các cơ quan, đơn vị thuộc khối nhà nước.

- Tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh trong việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng theo hướng đột phá, trên cơ sở không trái

quy định của Trung ương, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; đồng thời, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách được ban hành.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Phụ biểu kèm theo Kế hoạch này.

- Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; Kế hoạch số 119-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gắn với trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và Kế hoạch này. Hàng năm căn cứ kết quả thực hiện làm cơ sở để đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

4. Sở Nội vụ: Là cơ quan thường trực, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch này theo quy định; đôn đốc, thanh tra, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong triển khai, thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và Kế hoạch số 119-KH/TU ngày 08/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, thực hiện có khó khăn, vướng mắc, phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng CP;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức TU, Ban Tuyên giáo TU;
- Các huyện ủy, thành ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các hội, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;
- Lưu: VT,NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phóng

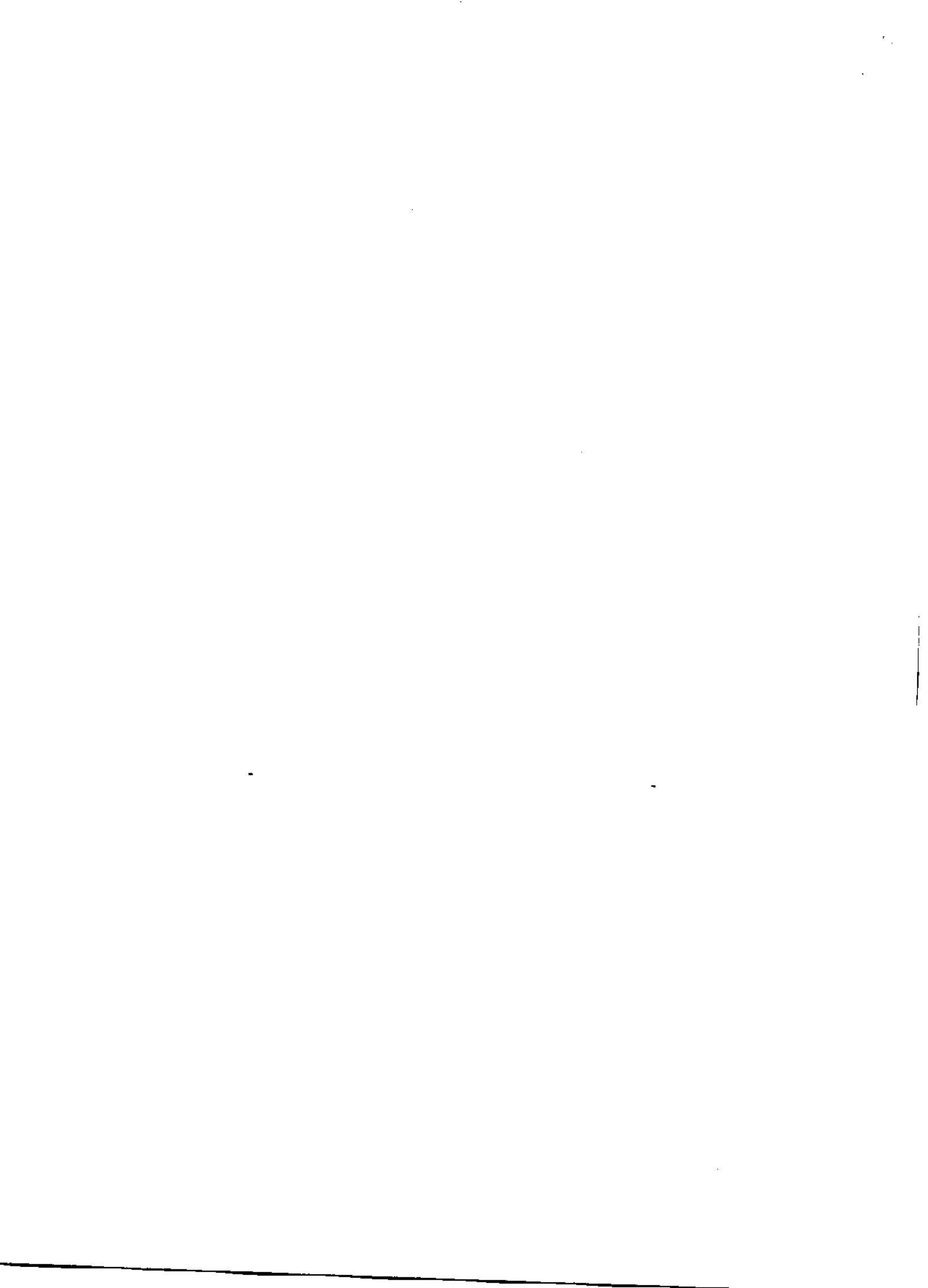
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2018 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, phổ biến Nghị quyết 26-NQ/TW và các Quy định, kế hoạch của tỉnh: xây dựng Kế hoạch cụ thể của từng cơ quan, đơn vị gắn với các nội dung của Kế hoạch này.	Các sở, ban, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố		Quý I/2019	Gửi UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp)
2	Sửa đổi Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 Quy định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động và luân chuyển đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý diện Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý và các sở, ngành quản lý.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố	Quý II/2019	
3	Sửa đổi Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 09/03/2015 Quy định về phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên thực hiện thống nhất trong khối các cơ quan nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố	Quý III/2019	
4	Hoàn thành việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm, bản mô tả, khung năng lực vị trí việc làm và xác định cơ cấu, số lượng, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố	Đến hết năm 2019	
5	Về quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nhất là cấp chiến lược	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố	Đến hết năm 2019	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
6	Xây dựng kế hoạch tổ chức thi điểm thi tuyển để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố	Đến năm 2020	
7	Đẩy mạnh thực hiện chủ trương bố trí bí thư cấp ủy cấp huyện không là người địa phương ở tất cả các huyện, thành phố	UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền		Đến năm 2020	
8	Tiếp tục hoàn thiện, chuẩn hoá, đồng bộ các quy định, quy chế, quy trình về công tác cán bộ; 100% các huyện, thành phố bố trí bí thư cấp ủy không là người địa phương và khuyến khích thực hiện đối với các chức danh khác; 100% cán bộ các cấp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định	Các sở, ban, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố chủ trì thực hiện và tổ chức triển khai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền		Đến năm 2025	
9	Cán bộ lãnh đạo chủ chốt tỉnh và cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các sở, ngành trực tiếp liên quan đến đối ngoại, hợp tác quốc tế đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học theo vị trí việc làm; 100% cán bộ quy hoạch cấp ủy các cấp được học lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ của cấp ủy cùng cấp	Các sở, ban, ngành đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố		Đến năm 2030	
10	Cán bộ lãnh đạo sở, ngành tỉnh dưới 40 tuổi ít nhất khoảng 25%; phòng, ban và tương đương cấp huyện có tỷ lệ cán bộ dưới 40 tuổi ít nhất khoảng 25%;	Các sở, ban, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố		Đến năm 2030	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
12	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đến năm 2020	
13	Xây dựng, chuẩn hóa đội ngũ công chức, viên chức làm công tác tổ chức, cán bộ có phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và uy tín tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ	Các sở, ban, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Thực hiện từ 2018	
14	Xây dựng quy chế đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức với các tiêu chí thành phần mang tính định lượng, gắn với hiệu quả, chất lượng công việc; đảm bảo công tác đánh giá, phân loại thực chất, công bằng, công khai, minh bạch, tỷ lệ xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong mỗi cơ quan, đơn vị không quá 15%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố	Thực hiện từ năm 2018	
15	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm định kỳ và đột xuất về công tác cán bộ và kịp thời đề xuất khen thưởng, xử lý đối với tập thể và cá nhân vi phạm xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ chức vụ đối với cán bộ theo phân cấp quản lý	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố	Thực hiện từ năm 2018	
16	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về thi đua, khen thưởng bảo đảm chặt chẽ, chính xác, thống nhất với các quy định của Đảng và phù hợp với tỷ lệ cán bộ được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương	Ban Thi đua khen thưởng, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố	Quý III/2019	
17	Nghiên cứu, xây dựng quy hoạch đất ở, nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và tương đương, UBND các huyện, thành phố	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương	



BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	
Số: 14307	206 /BC-SNV
Ngày: 23/11/2018	
Chuyên: Kế hoạch	
Tên hồ sơ:	

Hưng Yên, ngày 21 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

Số lượng trang thiết bị, máy móc điện tử được tỉnh đầu tư tại
Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của các sở, ban, ngành tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Công văn số 3327/UBND-KT2 ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh về việc rà soát hiện trạng, đánh giá hệ thống trang thiết bị CNTT tại bộ phận một cửa của các cơ quan, đơn vị và đề xuất phương án sử dụng, Sở Nội vụ báo cáo hiện trạng trang thiết bị trang bị cho bộ phận một cửa các sở, ban, ngành tỉnh theo Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 và Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh như sau:

Trang thiết bị trang bị cho Bộ phận một cửa của các sở, ban, ngành tỉnh bao gồm: Hệ thống máy đọc mã vạch, Hệ thống hiển thị kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Camera quan sát, hệ thống hiển thị kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống xếp hàng tự động, màn hình cảm ứng tra cứu thủ tục hành chính, bảng led hiển thị tên bộ phận (Chi tiết tại phụ lục đính kèm).


Qua theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ về hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại tại các sở, ngành tỉnh, thì cơ bản các trang thiết bị, máy móc do tỉnh đầu tư cho Bộ phận vẫn hoạt động bình thường. Các thiết bị được trang bị năm theo Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh đang trong thời gian được thực hiện, khắc phục các sự cố xảy ra.

Sở Nội vụ xin trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, CCHC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Phạm Văn Tuệ

Phụ lục
Trang thiết bị, máy móc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại
của các sở, ban, ngành tỉnh
(Gửi kèm theo Báo cáo số 76 /BC-SNV ngày 21/11/2018 của Sở Nội vụ Hưng Yên)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Trang thiết bị, máy móc						Ghi chú
		Hệ thống máy đọc mã vạch	Hệ thống camera quan sát	Hệ thống hiển thị kết quả giải quyết TTHC	Hệ thống xếp hàng tự động	Màn hình cảm ứng tra cứu TTHC	Bảng Led hiển thị tên Bộ phận	
1	Sở Nội vụ	1	1	1		1	1	
2	Sở Kế hoạch - Đầu tư	1	1	1	1		1	
3	Sở Nông nghiệp - PTNN	1		1		1	1	
4	Sở Văn hóa - TTDL	1		1		1	1	
5	Sở Giao thông - Vận tải	1		1	1	1	1	
6	Sở Công thương	1		1		1	1	
7	Sở Tài chính	1		1		1	1	
8	Sở Lao động - TBXH	1	1	1		1	1	
9	Sở Xây dựng	1		1		1	1	
10	Sở Tài nguyên - Môi trường	1				1	1	
11	Sở Tư pháp	1	1	1		1	1	
12	Sở Khoa học - Công nghệ	1		1		1	1	
13	Sở Giáo dục - Đào tạo	1		1		1	1	
14	Sở Y tế	1	1	1		1	1	
15	Sở Thông tin - Truyền thông			1			1	
16	Thanh tra tỉnh	1		1		1	1	
	Tổng số	15	5	15	2	14	16	

UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1076/STC-THTK

Hung Yên, ngày 21 tháng 11 năm 2018

V/v rà soát hiện trạng, đánh giá
hệ thống trang bị CNTT tại bộ
phận một cửa liên thông hiện đại
của các cơ quan, đơn vị và đề
xuất phương án sử dụng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
C.V ĐẾN	Số: 14301
	Ngày: 23/11/2018
	Chuyển: Đ. Lương
	Lưu hồ sơ: Ngày 20/11/2018

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Ngày 20/11/2018, Sở Tài chính nhận được công văn số 3327/UBND-KT2 ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc rà soát hiện trạng, đánh giá hệ thống trang bị CNTT tại bộ phận một cửa của các cơ quan, đơn vị và đề xuất phương án sử dụng. Sau khi nghiên cứu văn bản nêu trên, Sở Tài chính báo cáo như sau:

1. Về nhiệm vụ rà soát, đánh giá hệ thống trang thiết bị CNTT tại bộ phận một cửa của các cơ quan đơn vị:

Kết luận tại cuộc họp ngày 16/11/2018, đồng chí Chánh văn phòng UBND tỉnh và các đại biểu dự họp thống nhất giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì và phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện việc rà soát, đánh giá hệ thống trang thiết bị CNTT tại bộ phận một cửa của các cơ quan đơn vị khối tỉnh. Mặt khác, ngày 14/8/2018 Sở Nội vụ đã có công văn số 737/SNV-CCHC về việc thống kê thiết bị, máy móc bị trục trặc, không sử dụng được tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại và công văn số 862/SNV-CCHC ngày 17/9/2018 của Sở Nội vụ về việc khắc phục, bảo hành các trang thiết bị, máy móc bị hỏng, không sử dụng được tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại. Do đó, đề nghị UBND tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nội dung rà soát, đánh giá hệ thống trang thiết bị CNTT tại bộ phận một cửa của các cơ quan đơn vị tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền.

2. Về đề xuất phương án sử dụng:

- Năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nội vụ làm chủ đầu tư thực hiện việc triển khai mua sắm trang thiết bị, máy móc cho các cơ quan, đơn vị thực hiện mô hình Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo hướng hiện đại tại các

Sở, Ban, Ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Do vậy, các trang thiết bị nêu trên tính từ khi bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm hiện tại (có đơn vị đã được 01 năm sử dụng, có đơn vị chưa được 01 năm sử dụng) nên theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018 thì các tài sản đã được bàn giao đưa vào sử dụng tại các Sở, Ban, Ngành tỉnh đang trong thời gian sử dụng, quản lý và tính hao mòn tài sản.

- Từ các nội dung nêu trên, sau khi có ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh điều chuyển tài sản trang thiết bị CNTT từ các đơn vị khối tỉnh đã được trang bị năm 2017 sang Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hưng Yên thuộc Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên theo đúng quy định tại Điều 6 của Nghị Quyết số 145/2018/NQ-HĐND và trình tự quy định tại Điều 21 của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nội vụ;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Phòng QLNS, Tài chính HCSN,
- Phòng Giá công sản và doanh nghiệp;
- Lưu VT, THPT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Tài

UBND TỈNH HƯNG YÊN
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 288 /VPUBND-KT2

Hưng Yên, ngày 27 tháng 11 năm 2018

V/v rà soát hiện trạng, đánh giá hệ thống trang thiết bị CNTT tại bộ phận một cửa của các cơ quan, đơn vị và đề xuất phương án sử dụng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	
C.V	Số: 15453
ĐẾN	Ngày: 18/11/2018
	Chuyển: Ban Quản lý
	Lưu hồ sơ:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Thông báo số 430/TB-UBND ngày 11/9/2018 của UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh trân trọng báo cáo UBND tỉnh về quá trình triển khai thực hiện dự án mua sắm, lắp đặt các trang thiết bị của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh như sau:

Ngày 16/11/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 3327/UBND-KT2 giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính về việc rà soát hiện trạng, đánh giá hệ thống trang thiết bị CNTT tại bộ phận một cửa của các cơ quan, đơn vị và đề xuất phương án sử dụng. Đến nay, Sở Nội vụ và Sở Tài chính đã có báo cáo, cụ thể:

1. Ý kiến của Sở Nội vụ

Tại Báo cáo số 206/BC-SNV ngày 21/11/2018 của Sở Nội vụ về số lượng trang thiết bị, máy móc điện tử được tỉnh đầu tư tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của các sở, ban, ngành tỉnh được trang bị theo Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 20/9/2017 "thì cơ bản các trang thiết bị, máy móc do tỉnh đầu tư cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại vẫn hoạt động bình thường".

2. Ý kiến của Sở Tài chính

- Tại Công văn số 1076/STC-THTK ngày 21/11/2018 về việc rà soát hiện trạng, đánh giá hệ thống trang bị CNTT tại bộ phận một cửa liên thông hiện đại của các cơ quan, đơn vị và đề xuất phương án sử dụng các trang thiết bị nêu trên "đang trong thời gian sử dụng, quản lý và tính hao mòn tài sản".

- Sau khi có ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính sẽ tham mưu điều chuyển tài sản trang thiết bị CNTT từ các cơ quan sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo đúng quy định (Điều 6, Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND và Điều 21, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP).

Như vậy, theo ý kiến của Sở Nội vụ và Sở Tài chính chưa thấy đề xuất phương án sử dụng đối với hệ thống trang thiết bị, máy móc điện tử được tỉnh đầu tư tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của các sở, ban, ngành tỉnh.

3. Ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh

Theo Điều 13, Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về bố trí Trụ sở, trang thiết bị của bộ phận một cửa:

+ Đối với Trụ sở “*bố trí ở vị trí thuận tiện, dễ tìm, diện tích phù hợp; ưu tiên việc nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc đã có hoặc thuê, hoán đổi công năng sử dụng của công trình sẵn có để tránh lãng phí*”.

+ Đối với trang thiết bị “*Chủ tịch UBND các cấp quyết định theo thẩm quyền về trang thiết bị, phương tiện làm việc của bộ phận một cửa, đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng CNTT trong hoạt động*”.

Vậy, để có cơ sở lập, phê duyệt dự án mua sắm và lắp đặt các trang thiết bị của Trung tâm Phục vụ hành chính công, đáp ứng yêu cầu về cấu hình của hệ thống CNTT, đảm bảo vận hành thông suốt, đồng bộ và chất lượng; phù hợp tiến độ chung tổ chức thực hiện Trung tâm Phục vụ hành chính công tại Thông báo số 430/TB-UBND ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị:

- UBND tỉnh xem xét, quyết định việc mua sắm, lắp đặt mới các trang thiết bị CNTT để phục vụ hoạt động cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Đối với trang thiết bị CNTT đã đầu tư cho bộ phận một cửa tại các sở đề nghị giữ nguyên tại các sở để tiếp tục sử dụng, phục vụ hoạt động của các sở, hoặc điều chuyển để trang bị cho UBND cấp huyện, cấp xã.

Văn phòng UBND tỉnh trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- QTTV^{Liên};
- Lưu: VT, TH^C, KT2^Q.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Ngọc Thuyên



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5327/UBND-KT2

Hung Yên, ngày 16 tháng 11 năm 2018

V/v rà soát hiện trạng, đánh giá hệ thống trang thiết bị CNTT tại bộ phận một cửa của các cơ quan, đơn vị và đề xuất phương án sử dụng

Kính gửi:

- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính.

Ngày 09/11/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có Thông báo số 433/TB-UBND về việc tổ chức thực hiện Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Để có cơ sở triển khai thực hiện dự án mua sắm, lắp đặt các trang thiết bị của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đáp ứng yêu cầu sử dụng trong việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính; đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong quá trình vận hành, khai thác; Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan rà soát, đánh giá và đề xuất phương án sử dụng hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin đã trang bị cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại tại các cơ quan, đơn vị theo Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 và Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 20/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trước ngày 22/11/2018./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như trên;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Ngọc Thuyên
Nguyễn Ngọc Thuyên

Số: 427/TTTr-STC

Hưng Yên, ngày 05 tháng 12 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị và diện tích công trình sự nghiệp (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Kết quả tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 1260/BC-STP ngày 14/11/2018 của Sở Tư Pháp;

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Dự thảo Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị và diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Ngày 21/6/2017, Quốc hội đã thông qua Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, thay thế cho Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008.

Ngày 27/12/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 152/2017/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (sau đây gọi là Nghị định 152/2017/NĐ-CP). Tại Nghị định 152/2017/NĐ-CP, Chính phủ quy định như sau:

- Tại Khoản 1 Điều 4 quy định: “Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định tại Nghị định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quản lý, sử dụng diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.”

- Tại Khoản 2 Điều 7 quy định: "Bộ, cơ quan trung ương ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức thuộc trung ương quản lý); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với cơ quan, tổ chức thuộc địa phương quản lý)."

- Tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng thuộc nhà làm việc của cơ sở hoạt động sự nghiệp: "c) Điện tích chuyên dùng thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này."

- Tại Khoản 3 Điều 9 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp: "Điện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): Bộ, cơ quan trung ương ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; người, đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp tại đơn vị."

Riêng điện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

- Tại Khoản 3 Điều 12 quy định: "Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 7, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định này."

Để tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện lập kế hoạch và dự toán ngân sách; đề xuất giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định của Chính phủ thì việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị và điện tích công trình sự nghiệp (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) trên địa bàn tỉnh là thực sự cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ động trong việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Quan điểm chỉ đạo

Tuân thủ các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn hiện hành, Sở Tài chính đã tiến hành xây dựng Dự thảo Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị và diện tích công trình sự nghiệp (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo trình tự gồm:

1. Sở Tài chính có Công văn số 209/CV-STC ngày 16/4/2018 gửi các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ động rà soát, xây dựng tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Sau khi tổng hợp các ý kiến tham gia bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; và tổ chức hội nghị lấy ý kiến trực tiếp theo Giấy mời số 46/GM-STC ngày 25/10/2018; Sở Tài chính đã tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung Dự thảo.

3. Gửi Sở Tư pháp thẩm định.

4. Trình UBND tỉnh theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

IV.1. Bố cục

Dự thảo Quyết định bao gồm 06 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị và diện tích công trình sự nghiệp (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 4. Xử lý chuyển tiếp

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Điều 6. Tổ chức thực hiện

IV.2. Nội dung cơ bản

1. Phạm vi điều chỉnh

Căn cứ Nghị định 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định:

- Tại Khoản 2 Điều 7 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức: “*Bộ, cơ quan trung ương ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính (đối với cơ quan, tổ chức thuộc trung ương quản lý); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với cơ quan, tổ chức thuộc địa phương quản lý).*”

- Tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng thuộc nhà làm việc của cơ sở hoạt động sự nghiệp: “*c) Diện tích chuyên dùng thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.*”

- Tại Khoản 3 Điều 9 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp: “*Diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): Bộ, cơ quan trung ương ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; người, đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp tại đơn vị.*”

- Tại Khoản 3 Điều 12 quy định: “*Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành hoặc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 7, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định này.*”

Trên cơ sở những nội dung Chính phủ giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính đề xuất phạm vi điều chỉnh của Quyết định như sau:

“*a) Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị và diện tích công trình sự nghiệp trên địa bàn tỉnh;*

b) Đối với diện tích chuyên dùng của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đóng trên địa bàn tỉnh; diện tích công trình

sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.”

2. Đối tượng áp dụng

- Tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP quy định đối tượng áp dụng của Nghị định bao gồm: “1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).”

- Tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP quy định: “...người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp tại đơn vị.”

Căn cứ quy định nêu trên, Sở Tài chính đề xuất đối tượng áp dụng của Quyết định như sau:

“1. Cơ quan nhà nước; cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị);

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”

3. Tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị và diện tích công trình sự nghiệp (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo).

Sở Tài chính đề xuất nội dung ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị và diện tích công trình sự nghiệp (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) chi tiết theo Dự thảo Quyết định đính kèm Tờ trình này.

4. Về việc xử lý chuyển tiếp

Sở Tài chính đề xuất nội dung xử lý chuyển tiếp như sau:

“Đối với cơ quan, tổ chức đơn vị đã xây dựng trụ sở, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng nhưng chưa đúng (đủ) theo tiêu chuẩn định mức quy định tại Điều 3 Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, thủ trưởng đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.”

5. Hiệu lực thi hành

Sở Tài chính đề xuất nội dung hiệu lực thi hành như sau:

"Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký."

6. Tổ chức thực hiện

Sở Tài chính đề xuất nội dung tổ chức thực hiện như sau:

a) Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định tại Điều 3 Quyết định này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện việc đề xuất đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước;

b) Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này;

c) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./."

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (trừ công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Sở Tài chính xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Đính kèm Dự thảo Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (trừ công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc, các PGĐ;
- Lưu VT, GCS^N.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Tài

Số: 189 /VPUB-HCTC

Hung Yên, ngày 19 tháng 12 năm 2018

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định thay thế

Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN	
Số: 15635	
Ngày: 21/12/2018	
Chuyên: D. Chẩn tr.	
Lưu hồ sơ:	

Kính gửi: UBND tỉnh Hưng Yên

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Văn phòng UBND tỉnh xin trình dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao (sau đây gọi tắt là Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND) với những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

- Căn cứ Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 18/11/2015.

- Ngày 15/5/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27/7/2014. Để phù hợp với quy định tại Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg và tình hình thực tế tại địa phương, đồng thời thuận tiện cho việc áp dụng, thực hiện Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên địa bàn tỉnh thì việc ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND tỉnh là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO

1. Mục đích

- Đảm bảo các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả và theo đúng quy định trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Việc thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao phải đi vào nề nếp, ổn định; các nhiệm vụ được theo dõi, đôn đốc hoàn thành kịp thời và hiệu quả.

- Văn bản quy định dễ hiểu, dễ tra cứu, áp dụng tạo thuận lợi trong quá trình khai thác, sử dụng.

VP B. Chẩn tr.
V. U. B.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Căn cứ Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg ngày 15/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Văn phòng UBND tỉnh đã xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND.

Ngày 12/8/2018, Văn phòng UBND tỉnh ban hành Công văn số 218/VPUB-HCTC đề nghị các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố tham gia góp ý đối với dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND.

Kết quả: Có tổng số 18 cơ quan, đơn vị tham gia góp ý kiến, trong đó:

- Có 12/18 cơ quan, đơn vị nhất trí với nội dung dự thảo Quyết định, trong đó có 01 đơn vị đề nghị ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND để thuận lợi cho việc áp dụng;

- Có 06/18 cơ quan, đơn vị tham gia góp ý sửa đổi về nội dung và thể thức.

Sau khi tổng hợp, nghiên cứu và tiếp thu các ý kiến tham gia góp ý, Văn phòng UBND tỉnh đã dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND và có sửa đổi, bổ sung một số điều:

- Ngày 14/11/2018, Văn phòng UBND tỉnh có Công văn số 275/VP-HCTC đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Ngày 21/11/2018, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 1307/BC-STP về dự thảo Quyết định ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

Căn cứ văn bản thẩm định của Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bộ cục: Dự thảo Quyết định gồm 5 Chương, 22 Điều, gồm:

- Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG: gồm 05 Điều
- Chương II. CẬP NHẬT THÔNG TIN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO: gồm 04 Điều
- Chương III. THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ: gồm 09 Điều
- Chương IV. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO: gồm 02 Điều
- Chương V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN: gồm 02 Điều

2. Nội dung cơ bản

Quy định về việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của UBND tỉnh. Văn phòng UBND tỉnh xin kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo QĐ thay thế Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND; Bản phô tô các ý kiến tham gia góp ý và các văn bản khác có liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, HCTC^{VT}.

CHỖ CHỮ VẤN PHÒNG



Nguyễn Ngọc Thuyên



Số: /2018/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng 12 năm 2018

(Dự thảo)

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;

Căn cứ Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số /TTr-VPUB ngày tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 12 năm 2018 và thay thế Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ tổng hợp);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CSDLQG về PL (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Các chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC^{VT}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phóng



QUY CHẾ

**Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra
việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND
ngày tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hưng Yên)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giao trong các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình công tác, văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, bao gồm cả văn bản mật, tối mật, tuyệt mật (sau đây gọi tắt là văn bản giao nhiệm vụ).

2. Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (gọi tắt là các đơn vị và cá nhân) trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

Điều 2. Nguyên tắc chung

Công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Tất cả nhiệm vụ giao phải được tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đúng thời gian quy định, đầy đủ, công khai, minh bạch; tuân thủ Quy chế làm việc của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm tính chủ động, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng và phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị, cá nhân có liên quan.

3. Kết hợp chặt chẽ với việc xây dựng, quản lý, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác của UBND tỉnh.

4. Gắn kết với chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý văn bản, hồ sơ công việc chỉ đạo, điều hành của các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị, thực hiện liên thông hồ sơ từ Văn phòng UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành theo hệ thống gửi, nhận văn bản điện tử của Văn phòng UBND tỉnh; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo quy định.

5. Bảo đảm hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được liên tục, thông suốt; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật trong hệ

thống hành chính nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao* bao gồm những nhiệm vụ giao cho UBND tỉnh thực hiện trong các văn bản giao nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

2. *Hệ chương trình quản lý hồ sơ công việc* là phần mềm dùng riêng của Văn phòng UBND tỉnh và có kết nối liên thông với phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ.

3. *Phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ* là phần mềm kết nối liên thông từ Văn phòng UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố trực thuộc trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

1. Nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao gồm: Soạn thảo và trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, ban hành hoặc phê duyệt, ban hành theo thẩm quyền các đề án, báo cáo, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính; những nhiệm vụ cụ thể khác được giao thực hiện trong các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (không bao gồm những nhiệm vụ thực hiện thường xuyên theo chức năng của sở, ban, ngành, địa phương);

2. Nhiệm vụ giao trong văn bản quy phạm pháp luật là nhiệm vụ giao trong văn bản quy phạm pháp luật, gồm: Nghị định của Chính phủ, Quyết định Quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định Quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ của UBND tỉnh.

Điều 5. Phân loại các nhiệm vụ giao

1. Nhiệm vụ giao có thời hạn thực hiện;
2. Nhiệm vụ không có thời hạn thực hiện.

Chương II

CẬP NHẬT THÔNG TIN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

Điều 6. Trách nhiệm cập nhật thông tin

1. Đối với Văn phòng UBND tỉnh

a) Các văn bản, ý kiến chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phải được phân loại, cập nhật thông tin và giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương qua Phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ liên thông với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Cập nhật kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị chưa có kết nối Phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ từ Văn phòng UBND tỉnh đến cơ quan, đơn vị đó.

c) Cập nhật tình hình theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ; đánh giá chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ giao so với yêu cầu chỉ đạo của Chính

phủ, Thủ tướng Chính phủ và của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã cập nhật trên Phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Trên cơ sở nhiệm vụ được giao trên Phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ liên thông với Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm rà soát, đối chiếu các thông tin trên phần mềm với các văn bản giao nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Trường hợp cập nhật thiếu nhiệm vụ giao hoặc nội dung nhiệm vụ được cập nhật và chuyển đến qua phần mềm chưa chính xác hoặc không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, địa phương thì phải trao đổi, nêu rõ lý do và chuyển lại Văn phòng UBND tỉnh để điều chỉnh hoặc chuyển đến cơ quan, đơn vị, địa phương khác thực hiện theo quy định.

b) Cập nhật đầy đủ tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ lên phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ liên thông với Văn phòng UBND tỉnh theo quy định.

Điều 7. Nội dung, thông tin phải cập nhật

1. Đối với văn bản giao nhiệm vụ không phải là văn bản mật, cập nhật các thông tin sau đây lên Phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ:

a) Tên văn bản, số, ký hiệu, trích yếu, ngày tháng, năm ban hành, người ký văn bản;

b) Cơ quan, đơn vị trình ban hành văn bản;

c) Cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ;

d) Phòng, ban, đơn vị (thuộc Văn phòng UBND tỉnh) theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện;

đ) Nội dung giao nhiệm vụ;

e) Thời hạn thực hiện nhiệm vụ (thời hạn báo cáo, trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền khác hoặc thời hạn hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể khác);

g) Tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao (đã thực hiện, đang thực hiện, chưa thực hiện, trong hạn, quá hạn; chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao so với yêu cầu chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh)

h) Thông tin cần thiết khác.

Trong trường hợp Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu hoặc các trường hợp cần thiết khác, ngoài việc thực hiện cập nhật thông tin qua phần mềm những nội dung như trên, các cơ quan, đơn vị còn phải thực hiện việc cập nhật, theo dõi, báo cáo bằng văn bản gửi đến Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan.

2. Đối với văn bản giao nhiệm vụ được phát hành theo chế độ mật (mật, tối mật, tuyệt mật), cập nhật các thông tin sau đây lên Phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ:

a) Tên văn bản, số, ký hiệu, ngày tháng, năm ban hành, người ký văn bản (không có trích yếu);

b) Cơ quan, đơn vị trình ban hành văn bản;

c) Cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ;

d) Phòng, đơn vị (thuộc Văn phòng UBND tỉnh) theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện;

d) Tổng số nhiệm vụ giao (không cập nhật chi tiết nội dung nhiệm vụ);

e) Thời hạn thực hiện nhiệm vụ;

g) Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao (đã thực hiện, đang thực hiện, chưa thực hiện, trong hạn, quá hạn; không cập nhật nội dung chi tiết kết quả thực hiện)

3. Trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị phải báo cáo các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này bằng văn bản theo chế độ mật gửi Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan.

Điều 8. Thời hạn cập nhật thông tin trên Hệ thống phần mềm theo dõi

1. Thời hạn phân loại nhiệm vụ, cập nhật và chuyển sang theo dõi

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giao nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được ban hành, Văn phòng UBND tỉnh phải hoàn thành việc phân loại, cập nhật và chuyển đơn vị được giao thực hiện. Trường hợp văn bản giao nhiệm vụ gồm nhiều nhiệm vụ, liên quan đến nhiều sở, ngành, UBND cấp huyện hoặc phải lấy ý kiến nhiều cơ quan, đơn vị khác thì thời hạn này không quá 07 ngày làm việc.

2. Thời hạn cập nhật tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

a) Đối với các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhiệm vụ được giao đến thời hạn phải hoàn thành hoặc phải báo cáo, phải trình, các sở, ngành, UBND cấp huyện phải cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ giao lên Hệ thống phần mềm theo dõi.

b) Đối với các nhiệm vụ quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy chế này, các sở, ngành, UBND cấp huyện được giao nhiệm vụ phải cập nhật tình hình thực hiện theo quý, 6 tháng, năm hoặc khi có kết quả thực hiện nhiệm vụ đó.

Điều 9. Theo dõi, trao đổi, xử lý thông tin cập nhật

1. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh

Theo dõi, kiểm tra thông tin cập nhật về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ và số liệu trong các báo cáo của các sở, ngành, UBND cấp huyện. Trường hợp phát hiện thông tin, số liệu cập nhật không chính xác hoặc có sai lệch, kịp thời trao đổi với các sở, ngành, UBND cấp huyện để điều chỉnh.

2. Trách nhiệm của các sở, ngành, UBND cấp huyện

a) Theo dõi, kiểm tra thông tin cập nhật về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ và số liệu trong các báo cáo của cơ quan, đơn vị mình.

b) Trường hợp thông tin cập nhật, số liệu báo cáo của cơ quan, đơn vị mình không chính xác với thực tế hoặc sai lệch so với thông tin trên Hệ thống phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ, phải rà soát, điều chỉnh lại hoặc trao đổi, thông báo kịp thời bằng văn bản, điện thoại, fax hoặc qua thư điện tử; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng UBND tỉnh để xử lý.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về thời hạn cập nhật và tính chính xác, đầy đủ của các thông tin về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Quy chế này.

Chương III

THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng UBND tỉnh

1. Văn phòng UBND tỉnh là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; chủ động, thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao của cơ quan, đơn vị; xây dựng báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao nhằm bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng thời hạn, yêu cầu và hiệu quả.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đối với những vấn đề mà các cơ quan, đơn vị có ý kiến khác nhau trong việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

4. Tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiến nghị thành lập Đoàn kiểm tra để tiến hành kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

5. Thường xuyên kiểm tra việc cập nhật, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị; kiểm tra việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Quy chế này.

6. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp thông tin, tài liệu, thông báo về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao để kịp thời rà soát, đánh giá, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ngành, UBND cấp huyện

1. Các sở, ngành, UBND cấp huyện là đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao phải chủ động, thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được giao; theo dõi, đôn đốc các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được phân công, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ đúng tiến độ, yêu cầu, đảm bảo hiệu quả; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những vướng mắc, sai sót theo thẩm quyền.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao phối hợp thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ cơ quan, đơn vị mình được giao phối hợp; kịp thời cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phối hợp cho cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện.

3. Thực hiện kiểm tra thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; kiểm tra việc cập nhật, theo dõi, đôn đốc, việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong nội bộ cơ quan mình, cơ quan, đơn vị trực thuộc và các cơ quan liên quan trong phạm vi quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được phân công.

Điều 12. Nội dung, hình thức theo dõi, đôn đốc

1. Nội dung theo dõi, đôn đốc:

a) Việc phân loại nhiệm vụ trong các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo;

c) Việc tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao;

d) Tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc yêu cầu phải điều chỉnh các nhiệm vụ; xử lý đối với các trường hợp chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đúng các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

2. Hình thức theo dõi, đôn đốc

a) Thông qua Hệ chương trình quản lý hồ sơ công việc; Hệ thống phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ;

- b) Thông qua báo cáo định kỳ hoặc đột xuất;
- c) Qua làm việc, trao đổi trực tiếp;
- d) Qua việc phát hành văn bản, điện thoại, thư điện tử, fax...;
- đ) Qua công tác kiểm tra.

Điều 13. Nội dung, hình thức, căn cứ kiểm tra

1. Nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra việc tổ chức, triển khai và tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao;

b) Kiểm tra việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao của các cơ quan, đơn vị; Việc cập nhật tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ.

2. Hình thức, căn cứ kiểm tra

a) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ: Căn cứ theo kế hoạch của UBND tỉnh;

b) Kiểm tra đột xuất: Căn cứ theo yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, theo đề xuất của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nội dung nhiệm vụ được giao.

Điều 14. Quyết định kiểm tra và thành lập Đoàn kiểm tra

1. Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định kiểm tra và thành lập Đoàn kiểm tra.

2. Quyết định kiểm tra bao gồm các nội dung sau:

- a) Căn cứ pháp lý để kiểm tra;
- b) Phạm vi, đối tượng, nhiệm vụ kiểm tra;
- c) Nội dung kiểm tra;
- d) Thời hạn kiểm tra;
- đ) Thành phần Đoàn kiểm tra.

Điều 15. Tổ chức kiểm tra

1. Căn cứ quyết định kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra tổ chức triển khai thực hiện việc kiểm tra.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra hoặc có liên quan có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

Điều 16. Kết quả kiểm tra

1. Chậm nhất 07 ngày làm việc sau khi Đoàn kiểm tra kết thúc kiểm tra, Văn phòng UBND tỉnh phải báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh kết quả kiểm tra; đồng thời thông báo kết quả kiểm tra đến cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

2. Nội dung báo cáo kết quả kiểm tra

a) Đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện, kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan; việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao của các cơ quan, đơn vị.

b) Kết luận nội dung kiểm tra

Nội dung kết luận kiểm tra phải đánh giá cụ thể về kết quả thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp chưa thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao phải xác định rõ tính chất, mức độ, nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc chưa thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

c) Kiến nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao hoặc điều chỉnh nhiệm vụ giao; biện pháp xử lý vi phạm (nếu có).

Điều 17. Hồ sơ kiểm tra

Hồ sơ kết thúc kiểm tra gồm:

1. Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra.
2. Văn bản giao nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các văn bản liên quan.
3. Văn bản theo dõi, đôn đốc (nếu có).
4. Báo cáo, tài liệu phản ánh tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.
5. Kế hoạch kiểm tra (hoặc văn bản có ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh liên quan đến việc kiểm tra).
6. Biên bản, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra.
7. Báo cáo kết quả kiểm tra.
8. Tài liệu khác có liên quan.

Chương IV CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 18. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh

1. Hỗ trợ và cung cấp thông tin có liên quan cho các cơ quan, đơn vị trong việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

2. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao các cơ quan, đơn vị. Định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao các cơ quan, đơn vị trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và cho đăng tải công khai kết quả thực hiện đó trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

3. Báo cáo, kiến nghị kịp thời với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết nhằm đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ giao đã đến hạn quy định nhưng chưa thực hiện, triển khai thực hiện không đúng yêu cầu đề ra hoặc khi có các vấn đề phát sinh do các cơ quan, đơn vị phản ánh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

4. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình cập nhật và kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

Điều 19. Trách nhiệm của thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện

1. Rà soát, tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong phạm vi quản lý của mình; báo cáo UBND tỉnh (qua Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp) định kỳ 6 tháng (trước ngày 20/6), năm (trước ngày 30/11) hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao đã đến hạn theo quy định nhưng chưa triển khai thực hiện, không đủ khả năng, điều kiện thực hiện hoặc triển khai thực hiện không đúng yêu cầu thì phải trao đổi, thông báo kịp thời bằng văn bản với Văn phòng UBND tỉnh về khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng UBND tỉnh để báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hướng xử lý.

Chương V TÓ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Xây dựng phần mềm theo dõi phục vụ công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra

1. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ liên thông với hệ thống điều hành tác nghiệp; bảo đảm mạng dùng riêng của Văn phòng UBND tỉnh được thông suốt, an toàn, an ninh, toàn vẹn dữ liệu; đề xuất triển khai, hướng dẫn sử dụng cơ sở dữ liệu đến các sở, ngành; UBND cấp huyện.

2. Các sở, ngành, UBND cấp huyện phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh xây dựng hệ thống điều hành tác nghiệp và cơ sở dữ liệu theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 21. Khen thưởng, kỷ luật

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Quy chế này được biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành về thi đua khen thưởng.

2. Kết quả thực hiện Quy chế này là một trong các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện không đầy đủ hoặc vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Triển khai thực hiện Quy chế

1. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này; tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức làm công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra. Hàng năm chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh kết quả triển khai thực hiện.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện Quy chế này; căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định tại Quy chế này, chỉ đạo xây dựng Quy chế nội bộ, cử đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong nội bộ cơ quan, đơn vị mình.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phóng

Số: ~~1807~~ /BC-STP

Hưng Yên, ngày 21 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	
Số: 14/2018	
Ngày: 11/11/2018	
Chuyển: Ông Trần Văn...	
Lưu hồ sơ:	

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Ngày 16/11/2018, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 275/VP-HCTC ngày 14/11/2018 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (cơ quan soạn thảo) về việc đề nghị thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL). Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Sở Tư pháp (cơ quan thẩm định) có ý kiến như sau:

I. Về thành phần hồ sơ

Hồ sơ dự thảo gửi kèm theo Công văn số 275/VP-HCTC gồm:

- (1) Dự thảo Tờ trình Quyết định ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao;
- (2) Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. (Viết tắt là Dự thảo Quyết định);
- (3) Dự thảo Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. (Viết tắt là Dự thảo Quy chế), ((2) và (3) viết tắt là Dự thảo văn bản);
- (4) Bản sao tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan đến nội dung dự thảo Quyết định;
- (5) Bản tổng hợp ý kiến tham gia góp ý cho dự thảo văn bản;
- (6) Các tài liệu là căn cứ pháp lý để ban hành dự thảo văn bản.

Như vậy, hồ sơ gửi thẩm định dự thảo Quyết định của cơ quan soạn thảo cơ bản đầy đủ theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu hiện có, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

II. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản

✓

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao ban hành kèm theo Dự thảo Quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

III. Về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

Dự thảo Quyết định và dự thảo Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao phù hợp với Hiến pháp và các quy định của pháp luật.

IV. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với các văn bản đã giao quy định chi tiết

Tại Khoản 1 Điều 9, Điểm a Khoản 2 Điều 9 và Khoản 1,2,3,4,5 Điều 10 của dự thảo Quy chế, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ "**Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**" vào sau cụm từ "**thực hiện nhiệm vụ do**" đảm bảo sự thống nhất với tên gọi của dự thảo Quyết định và dự thảo Quy chế, đồng thời đảm bảo sự phù hợp thống nhất với nội dung quy định tại Khoản 6 Điều 10 của dự thảo Quy chế.

V. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo

1. Đối với dự thảo Quyết định

Tại điều Điều 1, Điều 2 và Điều 3 của dự thảo Quyết định không có tiêu đề. **Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung tiêu đề tại Điều 1, Điều 2 và Điều 3** theo đúng quy định tại Khoản 3 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc bổ sung tiêu đề có thể lấy ví dụ cụ thể như sau:

“Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện....

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018 và thay thế Quyết định.....

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố....”

2. Đối với dự thảo Quy chế

Tại Điều 7. đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày tiêu đề bằng chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm theo đúng quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

VI. Về điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cơ bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đề chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Quyết định đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Quyết định đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND tỉnh.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Quyết định ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên theo đề nghị tại Công văn nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc STP (để b/c);
- Các đ/c PGĐSTP;
- Lưu: VT, XDKT^N.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Văn Hạ

